

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/KDTM-PT
Ngày: 03/9/2020
“V/v: Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Minh Bắc
- *Các thẩm phán:* ông Nguyễn Minh Châu
ông Trương Văn Tâm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nga – cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Vẹn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/8/2020, 03/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2020/TLPT-KDTM ngày 26/02/2020 về việc: “Hợp đồng tín dụng”, do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐ-PT ngày 01/7/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐ-PT ngày 30/7/2020, quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 10/2020/QĐ-TA ngày 26/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (SHB)

Địa chỉ: Phường T, Quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Anh Tr, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S chi nhánh V (vắng mặt) + bà Phan Thu H, sinh năm 1979, chức vụ: chuyên viên Phòng Xử lý nợ (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Kh, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 11/9/2019)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Kh

Địa chỉ: Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

3.3. Ông Huỳnh H, sinh năm 1974

Bà Trần Thị Kim Đ, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: ấp L, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (đều có mặt)

3.4. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1941

Địa chỉ: Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (đã chết ngày 10/01/2020 theo Trích lục khai tử số 11/TLKT-BS ngày 10/01/2020 của UBND Phường I, thành phố V, sau khi kháng cáo án sơ thẩm và đóng tạm ứng án phí phúc thẩm)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S là các con:

3.4.1. Ông Phạm Kh

Địa chỉ: Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

3.4.2. Ông Phạm Đình D, sinh năm 1971

Địa chỉ: Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

3.4.3. Bà Phạm Thị Ngọc O, sinh năm 1972

Địa chỉ: Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

3.4.4. Ông Phạm Đình Đ, sinh năm 1975

Địa chỉ: Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

3.4.5. Bà Phạm Thị Ngọc Ph, sinh năm 1982

Địa chỉ: Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

3.4.6. Ông Phạm Đình Đ 1 (đã chết)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ 1 là vợ và các con:

3.4.6.1. Bà Lê Phạm Xuân T, sinh năm 1971 (vắng mặt)

3.4.6.2. Anh Phạm Đình Ph, sinh năm 2002 (có mặt)

3.4.6.3. Cháu Phạm Đình L, sinh năm 2003 (vắng mặt)

3.4.6.4. Cháu Phạm Tiểu Đ, sinh năm 2005 (vắng mặt)

3.4.6.5. Cháu Phạm Phương Đ, sinh năm 2008 (vắng mặt)

3.4.6.6. Cháu Phạm Đình Kh, sinh năm 2012 (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của các cháu Phạm Đình L, Phạm Tiểu Đ, Phạm Phương Đ, Phạm Đình Kh là mẹ ruột: bà Lê Phạm Xuân T (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Phạm Thị Ngọc O, ông Phạm Đình D, bà Phạm Thị Ngọc Ph, bà Lê Phạm Xuân T ủy quyền cho ông Phạm Đình Đ. (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 07/7/2020)

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2019, bản tự khai, các buổi làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Từ năm 2015 đến năm 2017 Ngân hàng TMCP S(gọi tắt là SHB, Ngân hàng) và Công ty TNHH T (gọi tắt là công ty T, Công ty, T- Kh) ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

1.1. Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 042/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.130800 ngày 11/3/2015 được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 01/2015/KUNN ký ngày 12/3/2015, cụ thể:

Số tiền vay: 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng);

Thời hạn vay: 48 tháng (từ ngày 12/3/2015 đến ngày 12/3/2019);

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;

Lãi suất: 11,7%/năm, lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản thế chấp cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800 ký ngày 11/3/2015 giữa công ty T và SHB chi nhánh Vũng Tàu; Văn phòng công chứng C chứng thực số 182, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD:

- Tài sản 1: 01 xe đầu kéo biển số 72C-055.99, hiệu HINO theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005085 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 09/3/2015.

- Tài sản 2: 01 sômi romooc biển số 72R-005.81, hiệu CIMC theo Giấy chứng nhận đăng romooc số 000231 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 09/3/2015.

- Tài sản 3: 02 vỏ container lạnh 40' HC theo tiêu chuẩn quốc tế, thể tích 64m³, theo Hợp đồng mua bán số 323A/2014/HĐ ngày 20/12/2014 giữa công ty TNHH Tr và Công ty TNHH T, hóa đơn GTGT số 0000165 ngày 11/3/2015.

Tính đến ngày 29/11/2019, công ty T đã tắt toán toàn bộ khoản vay cho SHB, nhưng SHB chưa giải chấp vì các tài sản này còn bảo lãnh cho các khoản vay trước, trong và sau khi ký kết hợp đồng tín dụng trên theo điểm 2.1.2 Khoản 2 Hợp đồng thế chấp tài sản số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800 ngày 11/3/2015.

1.2. Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 41/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.130800 ngày 24/6/2016 được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 01/2016/KUNN ngày 24/6/2016, cụ thể:

Số tiền vay: 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng);

Thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 24/6/2016 đến 24/6/2021);

Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định – mua xe ô tô con MazdaCX5.

Lãi suất: 7,5%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên. Sau 12 tháng lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo tối thiểu bằng mức lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 46/2016/HĐTC-PN/SHB.130800 ngày 24/6/2016 giữa công ty T và SHB chi nhánh Vũng Tàu; Văn phòng công chứng C chứng thực số 754, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD: xe ô tô MAZDA CX5 biển số 72A-170.34, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015328 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 22/6/2016.

Tính đến ngày 29/11/2019, công ty T đã thanh toán 383.400.000 đồng nợ gốc, 139.773.350 đồng; còn nợ 466.600.000 đồng gốc, 65.692.159 đồng lãi trong hạn, 11.584.487 đồng lãi quá hạn, 5.366.033 đồng lãi phạt chậm trả; tổng cộng 543.876.656 đồng.

1.3. Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 13/9/2017; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-38/2017/HĐHM-PN/SHB. 130800 ngày 28/12/2017; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL02-38/2017/HĐHM-PN/SHB. 130800 ngày 16/5/2018;

+ Khế ước nhận nợ số 03/38/2017/HĐMN ngày 20/3/2018; chi tiết:

Số tiền vay: 2.290.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng);

Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng;

Thời hạn vay: tối đa 06 tháng quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ (từ 20/3/2018 đến 20/9/2018);

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

Lãi suất: 7,5%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên; sau 12 tháng điều chỉnh 03 tháng/lần; mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo tối thiểu bằng mức lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh; lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 29/11/2019 công ty T đã thanh toán 4.604.599 đồng nợ gốc, 140. 987.161 đồng lãi; còn nợ 2.285.395.401 đồng gốc, 434.306.528 lãi trong hạn; tổng cộng 2.719.701.929 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 04/38/2017/HĐHM ngày 11/7/2018, chi tiết:

Số tiền vay: 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng);

Thời hạn vay: 06 tháng (từ ngày 11/7/2018 đến 11/01/2019);

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

Lãi suất: 10,5%/năm cố định trong 03 tháng đầu tiên; điều chỉnh 03 tháng/lần; mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo tối thiểu bằng mức lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh; lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 29/11/2019 công ty T đã thanh toán 18.000.000 đồng nợ gốc, 3.245.349 đồng lãi; còn nợ 232.000.000 đồng gốc, 10.248.682 đồng lãi trong hạn, 37.454.373 đồng lãi quá hạn, 458.930 đồng lãi phạt chậm trả; tổng cộng 279.703.055 đồng.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho các khoản nợ trên:

- Quyền sử dụng thửa đất 169 (số cũ 420) tờ bản đồ số 09 (số cũ 01) tọa lạc tại 418/10 (số cũ 117/5) Trần Phú, Phường I, thành phố V, diện tích 106m² đất ở và tài sản gắn liền với đất: nhà cấp 2, BTCT, diện tích xây dựng 93,2m², diện tích sàn 279,59m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N476209 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/7/1999; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 25/7/2014 giữa bà Phạm Thị S và SHB chi nhánh Vũng Tàu, chứng thực tại Văn phòng công chứng C, số công chứng: 1495, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2015/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 07/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02/2016/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 30/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số PL03-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 13/9/2017;

- Quyền sử dụng thửa đất 767 (số mới 82) tờ bản đồ số 05 (số mới 19) tọa lạc tại 576/1 (Số mới 542/14/9) Trần Phú, Phường I, thành phố V, diện tích 48m² đất ở; tài sản gắn liền với đất: nhà cấp 4, 01 tầng; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H240336 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/10/1997; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 751/CNSHN Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 17/12/1993; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 22/10/2013 giữa bà Nguyễn Thị T và SHB chi nhánh Vũng Tàu, chứng thực tại Phòng công chứng số 3 tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, số công chứng: 2056, quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01.165/2014/PLHĐ/165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 31/10/2014; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02.165/PLHĐ-165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 07/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/2016/PLHĐ-165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 30/8/2016.

Như vậy, tổng dư nợ của công ty T với SHB tính đến ngày 29/11/2019 là 3.543.281.640 đồng; gồm 2.983.995.401 đồng nợ gốc, 73.940.841 đồng lãi trong hạn, 483.345.398 đồng lãi quá hạn.

SHB khởi kiện yêu cầu công ty T trả toàn bộ số tiền trên và lãi phát sinh theo lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng tính từ ngày 29/11/2019 cho đến khi trả hết nợ. Nếu công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì SHB yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi toàn bộ các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ, gồm:

- **Tài sản 1**: xe đầu kéo biển số 72C-055.99, hiệu HINO theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005085 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 09/3/2015.

- **Tài sản 2**: somi romooc biển số 72R-005.81, hiệu CIMC theo Giấy chứng nhận đăng romooc số 000231 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 09/3/2015.

- **Tài sản 3:** 02 vỏ container lạnh 40' HC theo tiêu chuẩn quốc tế, thể tích 64m³, theo Hợp đồng mua bán số 323A/2014/HĐ ngày 20/12/2014 giữa công ty TNHH Tr và Công ty TNHH T, hóa đơn GTGT số 0000165 ngày 11/3/2015.

Các tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800 ngày 11/3/2015 giữa công ty T và SHB chi nhánh Vũng Tàu, chứng thực tại Văn phòng công chứng C, số công chứng: 182, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

- **Tài sản 4:** xe ô tô MAZDA CX5 biển số 72A-170.34, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015328 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 22/6/2016, thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 46/2016/HĐTC-PN/SHB.130800 ngày 24/6/2016 giữa công ty T và SHB chi nhánh Vũng Tàu; Văn phòng công chứng C chứng thực số 754, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

- **Tài sản 5:** Quyền sử dụng thửa đất 169 (số cũ 420) tờ bản đồ số 09 (số cũ 01) tọa lạc tại 418/10 (số cũ 117/5) Trần Phú, Phường I, thành phố V, diện tích 106m² đất ở và tài sản gắn liền với đất: nhà cấp 2, BTCT, diện tích xây dựng 93,2m², diện tích sàn 279,59m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N476209 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/7/1999; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 25/7/2014 giữa bà Phạm Thị S và SHB chi nhánh Vũng Tàu, chứng thực tại Văn phòng công chứng C, số công chứng: 1495, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2015/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 07/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02/2016/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 30/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số PL03-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 13/9/2017;

- **Tài sản 6:** Quyền sử dụng thửa đất 767 (số mới 82) tờ bản đồ số 05 (số mới 19) tọa lạc tại 576/1 (Số mới 542/14/9) Trần Phú, Phường I, thành phố V, diện tích 48m² đất ở; tài sản gắn liền với đất: nhà cấp 4, 01 tầng; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H240336 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/10/1997; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 751/CNSHN Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 17/12/1993; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 22/10/2013 giữa bà Nguyễn Thị T và SHB chi nhánh Vũng Tàu, chứng thực tại Phòng công chứng số 3 tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, số công chứng: 2056, quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01.165/2014/PLHĐ/165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 31/10/2014; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02.165/PLHĐ-165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 07/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/2016/PLHĐ-165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 30/8/2016.

2. Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 11/9/2019, bản tự khai, các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Công ty TNHH T trình bày:

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn về các hợp đồng tín dụng, quá trình giao kết, thực hiện, dư nợ, biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng giữa công ty T với SHB trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017:

Công ty T thông nhất tổng dư nợ với SHB tính đến ngày 29/11/2019 là 3.543.281.640 đồng; gồm 2.983.995.401 đồng nợ gốc, 73.940.841 đồng lãi trong hạn, 483.345.398 đồng lãi quá hạn; đồng ý thanh toán toàn bộ số nợ và lãi phát sinh theo lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã giao kết giữa hai bên tính từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ. Trường hợp công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì công ty T đồng ý để SHB được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

- Xe ô tô MAZDA trắng 05 chỗ CX5 biển số 72A-170.34, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015328 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 22/6/2016, Hợp đồng thế chấp tài sản số 46/2016/HĐTC-PN/SHB.130800 ngày 24/6/2016 giữa công ty T và SHB chi nhánh Vũng Tàu; Văn phòng công chứng C chứng thực số 754, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD;

- Quyền sử dụng thửa đất 169 (số cũ 420) tờ bản đồ số 09 (số cũ 01) tọa lạc tại 418/10 (số cũ 117/5) Trần Phú, Phường I, thành phố V, diện tích 106m² đất ở và tài sản gắn liền với đất: nhà cấp 2, BTCT, diện tích xây dựng 93,2m², diện tích sàn 279,59m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N476209 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/7/1999; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 25/7/2014 giữa bà Phạm Thị S và SHB chi nhánh Vũng Tàu, chứng thực tại Văn phòng công chứng C, số công chứng: 1495, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2015/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 07/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02/2016/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 30/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số PL03-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 13/9/2017;

- Quyền sử dụng thửa đất 767 (số mới 82) tờ bản đồ số 05 (số mới 19) tọa lạc tại 576/1 (Số mới 542/14/9) Trần Phú, Phường I, thành phố V, diện tích 48m² đất ở; tài sản gắn liền với đất: nhà cấp 4, 01 tầng; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H240336 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/10/1997; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 751/CNSHN Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 17/12/1993; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 22/10/2013 giữa bà Nguyễn Thị T và SHB chi nhánh Vũng Tàu, chứng thực tại Phòng công chứng số 3 tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, số công chứng: 2056, quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01.165/2014/PLHĐ/165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 31/10/2014; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02.165/PLHĐ-165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 07/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/2016/PLHĐ-165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 30/8/2016.

Công ty TNHH T đã tất toán toàn bộ khoản vay 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 042/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.130800 ngày 11/3/2015 được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 01/2015/KUNN ký ngày 12/3/2015 cho SHB, nhưng SHB chưa giải chấp tài sản thế chấp trong Hợp đồng tín dụng trên theo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800 ngày 11/3/2015, được Văn phòng công chứng C chứng thực số 182, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, gồm: xe đầu kéo hiệu HINO biển số 72C-055.99, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005085 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 09/3/2015; somi romooc hiệu CIMC biển số 72R-005.81, theo Giấy chứng nhận đăng ký romooc số 000231 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 09/3/2015 và 02 vỏ container lạnh 40' HC theo tiêu chuẩn quốc tế, thể tích 64m³ (theo hợp đồng mua bán số 323A/2014/HĐ ngày 20/12/2014 giữa công ty TNHH Tr và Công ty TNHH T, hóa đơn GTGT số 0000165 ngày 11/3/2015); gây thiệt hại cho công ty T. Đây là tài sản góp vốn kinh doanh giữa công ty T và vợ chồng ông Huỳnh H, bà Trần Thị Kim Đ và họ chính là người đã trực tiếp thanh toán khoản vay cho SHB chi nhánh V theo yêu cầu của phía Ngân hàng, trực tiếp quản lý vận hành xe trong quá trình công ty T kinh doanh, cho đến khi SHB vô cớ giữ xe. Hiện nay, SHB đang trực tiếp giữ các tài sản, phương tiện nêu trên không có căn cứ pháp lý.

Vì vậy, công ty T không đồng ý cho SHB yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp trên do khoản vay này đã được tất toán. Ngày 11/9/2019 công ty T có đơn phản tố yêu cầu SHB giải chấp và trả lại toàn bộ tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800 ngày 11/3/2015 nêu trên cho Công ty.

2. Ý kiến trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Vợ chồng ông Phạm Kh, bà Nguyễn Thị T:

Bà T là vợ ông Phạm Kh, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T. Vợ chồng ông bà là chủ sở hữu, sử dụng nhà đất tại thửa 767 (số mới 82) tờ bản đồ số 05 (số mới 19) tọa lạc tại 576/1 (Số mới 542/14/9) Trần Phú, Phường I, thành phố V, diện tích 48m² đất ở; tài sản gắn liền với đất: nhà cấp 4, 01 tầng; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H240336 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/10/1997; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 751/CNSHN Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 17/12/1993. Bà T đã thế chấp tài sản bảo lãnh cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 13/9/2017; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 28/12/2017; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL02-38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 ký ngày 16/5/2018 và khế ước nhận nợ số 04/38/2017/HĐHM ký ngày 11/7/2018 với tổng số nợ vay là 2.540.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm bốn mươi triệu đồng).

Trường hợp công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ông bà đồng ý để SHB yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

2.2. Bà Phạm Thị S:

Bà là chủ sở hữu, sử dụng nhà đất tại thửa 169 (số cũ 420) tờ bản đồ số 09 (số cũ 01) tọa lạc tại 418/10 (Số cũ 117/5) Trần Phú, Phường I, thành phố V; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N476209 do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/7/1999. Ngày 25/7/2014 bà ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 với SHB chi nhánh V để bảo đảm cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 13/9/2017; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 28/12/2017; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL02-38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 16/5/2018 với tổng số nợ vay là 2.290.000.000 đồng; được Văn phòng công chứng C chứng thực, số công chứng: 1686, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2015/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 07/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02/2016/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 30/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số PL03-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 13/9/2017. Bà xác nhận không bảo lãnh khoản vay 250.000.000 đồng của công ty T theo kế ước nhận nợ số 04/38/2017/HĐHM ngày 11/7/2018.

Nếu công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà không đồng ý cho SHB quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Bà yêu cầu SHB phát mãi các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty T trước để thu hồi nợ; khi tài sản của công ty T không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì mới phát mãi tài sản bà thế chấp để thu hồi nợ.

2.3. Vợ chồng ông Huỳnh H, bà Trần Thị Kim Đ:

Ông bà là vợ chồng. Năm 2015, ông H có góp vốn với Công ty TNHH T để mua xe đầu kéo hiệu HINO, số loại: SS1EKV, số máy: E13CTR18370, số khung: 1EK5E1S13741, biển số đăng ký: 72C- 055.99 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005085 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 09/3/2015 và sơ mi rơ moóc nhãn hiệu CIMC, số khung 2384F1016141, biển số đăng ký: 72R-005.81 theo Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc số 000231 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 09/3/2015. Đây là tài sản chung của vợ chồng nhưng bà Đ giao cho ông H toàn quyền quyết định mà không có ý kiến gì. Sau khi mua, ông H cùng công ty T đã thế chấp giấy tờ của tài sản trên để vay 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP S chi nhánh Vũng Tàu, trả góp trong 48 tháng và ông H đã trả xong, nhưng Ngân hàng không trả lại giấy tờ cho ông H và công ty T mà thu giữ xe, lập hợp đồng giao xe cho ông Phạm Đình Đ và ông Phạm Đình D giữ xe từ ngày 04/6/2019 đến nay. Ông bà yêu cầu

được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án; yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng TMCP Schi nhánh V giải chấp và trả lại các tài sản thế chấp nêu trên và toàn bộ giấy tờ liên quan tài sản thế chấp cho các đồng sở hữu là Công ty TNHH T và ông H.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố V quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S(SHB) đối với Công ty TNHH T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S 3.543.281.640 đồng (Ba tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 29/11/2019 và lãi phát sinh từ ngày 29/11/2019 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất nợ quá hạn tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán thì Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: Xe ô tô MAZDA CX5 biển số 72A-170.34, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015328 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 22/6/2016; Quyền sử dụng thửa đất 169 (số cũ 420) tờ bản đồ số 09 (số cũ 01) tọa lạc tại 418/10 (số cũ 117/5) Trần Phú, Phường I, thành phố V, diện tích 106m² đất ở và tài sản gắn liền với đất: nhà cấp 2, BTCT, diện tích xây dựng 93,2m², diện tích sàn 279,59m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N476209 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/7/1999; Quyền sử dụng thửa đất 767 (số mới 82) tờ bản đồ số 05 (số mới 19) tọa lạc tại 576/1 (Số mới 542/14/9) Trần Phú, Phường I, thành phố V, diện tích 48m² đất ở, tài sản gắn liền với đất: nhà cấp 4, 01 tầng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H240336 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/10/1997, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 751/CNSHN Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 17/12/1993 để thu hồi nợ.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T; buộc Ngân hàng TMCP S giải chấp và trả lại toàn bộ các giấy tờ có liên quan đến tài sản thế chấp gồm: xe đầu kéo hiệu HINO biển số 72C-055.99, sômi romooc hiệu CIMC biển số 72R-005.81, 02 vỏ container lạnh 40' HC theo hợp đồng thế chấp tài sản số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800 ngày 11/3/2015 giữa Công ty TNHH T và Ngân hàng TMCP Schi nhánh Vũng Tàu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/12/2019, bà Phạm Thị S kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm: xem xét lại phần liên quan hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 25/7/2014 giữa bà Phạm Thị S và Ngân hàng TMCP S.

Ngày 12/12/2019, Ngân hàng TMCP S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, sửa một phần án sơ thẩm về xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp tài sản số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800 ngày 11/5/2015 giữa

công ty TNHH T và Ngân hàng TMCP S chi nhánh Vũng Tàu, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Công ty TNHH T và ông Huỳnh H yêu cầu đưa vợ chồng ông Huỳnh H, bà Trần Thị Kim Đ tham gia tố tụng trong vụ án; cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan chứng minh các tài sản thế chấp gồm xe đầu kéo hiệu HINO biển số 72C-055.99, somi romooc hiệu CIMC biển số 72R-005.81, 02 vỏ container lạnh 40' HC theo hợp đồng thế chấp tài sản số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800 ký ngày 11/3/2015 giữa Công ty TNHH T và Ngân hàng TMCP S chi nhánh Vũng Tàu bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 042/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.130800 ngày 11/3/2015, là tài sản chung góp vốn kinh doanh giữa Công ty TNHH T và ông Huỳnh H; các chứng từ liên quan đến việc ông Huỳnh H thay Công ty TNHH T trực tiếp thanh toán khoản vay trên cho Ngân hàng; đồng ý yêu cầu buộc Ngân hàng giải chấp và trả lại các tài sản thế chấp nêu trên cùng toàn bộ giấy tờ liên quan tài sản thế chấp cho các đồng sở hữu là Công ty TNHH T và ông Huỳnh H. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác liên quan đến việc giải quyết vụ án, và không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và những người tham gia tố tụng đã công khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về tranh chấp hợp đồng tín dụng, buộc công ty T thanh toán nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/11/2019 là 3.543.281.640 đồng (Ba tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) và tiếp tục chịu lãi theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi trả hết nợ; nếu không trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp liên quan, trong đó có nhà đất tại thửa 169 (số cũ 420) tờ bản đồ số 09 (số cũ 01) tọa lạc tại 418/10 (Số cũ 117/5) Trần Phú, Phường I, thành phố Vũng Tàu của bà Phạm Thị S để thu hồi nợ; đồng thời buộc Ngân hàng TMCP S giải chấp và trả lại tài sản và toàn bộ các giấy tờ có liên quan đến tài sản thế chấp gồm 01 xe đầu kéo mang biển số 72C-055.99, nhãn hiệu HINO; 01 somi romooc mang biển số 72R-005.81, nhãn hiệu CIMC và 02 vỏ container lạnh 40' HC theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800 ký ngày 11/3/2015 giữa Công ty TNHH T và Ngân hàng TMCP S chi nhánh V là có căn cứ đúng pháp luật. Kháng cáo của Ngân hàng TMCP S và bà Phạm Thị S yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm về phần xử lý tài sản thế chấp là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc

thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng và bà S, giữ nguyên nội dung quyết định án sơ thẩm đã tuyên.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị S đúng theo quy định pháp luật, và trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:*

[1.1.] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ngân hàng TMCP S khởi kiện Công ty TNHH T (có trụ sở tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ các hợp đồng tín dụng, với mục đích vay để kinh doanh. Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết vụ án “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị S kháng cáo đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V. Căn cứ các Điều 38, 270, 271, 273, 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[1.2.] *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa phúc thẩm, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Kh vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm mở lại lần thứ hai sau hoãn phiên tòa do vắng mặt đương sự trong vụ án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, đoạn 4 khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiếp tục phiên tòa, xét xử vắng mặt đương sự này.

[2.] *Về nội dung vụ án:*

Từ năm 2015 – 2017, Ngân hàng TMCP S(SHB) và Công ty TNHH T có ký kết 03 hợp đồng tín dụng sau:

+ **Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 042/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.130800** ngày 11/3/2015 được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 01/2015/KUNN ngày 12/3/2015, **số tiền 1.800.000.000đ** (Một tỷ tám trăm triệu đồng); Thời hạn vay 48 tháng (từ ngày 12-3-2015 đến 12-3-2019); Mục đích vay: bổ sung vốn; Lãi suất: 11,7%/năm, lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800 ngày 11/3/2015 giữa Công ty TNHH T và Ngân hàng TMCP S chi nhánh Vũng Tàu, Văn phòng công chứng C chứng thực: **01 xe đầu kéo HINO biển số 72C-055.99**, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005085 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 09/3/2015; **01 somi romooc CIMC biển số 72R-005.81**, theo Giấy chứng nhận đăng romooc số 000231 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 09/3/2015 và **02 vỏ container lạnh 40' HC** theo tiêu chuẩn quốc tế, thể tích 64m³. **(Thống nhất định giá tài sản khi cho vay là 2.567.000.000 đồng, cấp tín dụng tối đa 1.800.000.000 đồng – BL 50, 51)**

Công ty T đã tắt toán toàn bộ số nợ gốc và lãi đối với hợp đồng tín dụng trên nhưng Ngân hàng chưa giải chấp và trả lại tài sản thế chấp và các giấy tờ liên quan.

+ **Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 41/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.130800** ngày 24/6/2016 được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 01/2016/KUNN ngày 24/6/2016, **số tiền 850.000.000đ** (Tám trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay 60 tháng (Từ ngày 24/6/2016 đến 24/6/2021); Mục đích vay: bổ sung vốn; Lãi suất: 7,5%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên. Sau 12 tháng lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo tối thiểu bằng mức lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh, lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 46/2016/HĐTC-PN/SHB.130800 ngày 24/6/2016 giữa Công ty TNHH T và Ngân hàng TMCP S chi nhánh Vũng Tàu, Văn phòng công chứng C chứng thực số 754, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD: **01 xe ô tô MAZDA CX5 màu trắng biển số 72A-170.34**, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015328 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 22/6/2016. **(Thống nhất định giá tài sản khi cho vay là 1.009.000.000 đồng, cấp tín dụng tối đa 850.000.000 đồng – BL 83)**

+ **Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800** ngày 13/9/2017; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-38/2017/HĐHM-PN/SHB. 130800 ngày 28/12/2017; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL02-38/2017/HĐHM-PN/SHB. 130800 ngày 16/5/2018; doanh số giải ngân xác định bởi 02 khế ước nhận nợ:

⇒ **Khế ước nhận nợ số 03/38/2017/HĐMN ngày 20/3/2018 số tiền 2.290.000.000đ** (Hai tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng), thời hạn duy trì hạn mức tín dụng 12 tháng, thời hạn vay tối đa 06 tháng quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ (từ ngày 20/3/2018 đến ngày 20/9/2018), mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, lãi suất: 7,5%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên. Sau 12 tháng lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo

tối thiểu bằng mức lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh, lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

⇒ **Khế ước nhận nợ số 04/38/2017/HĐHM ngày 11/7/2018 số tiền 250.000.000đ** (Hai trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay: 06 tháng (từ ngày 11/7/2018 đến 11/01/2019), mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, lãi suất: 10,5%/năm cố định trong 03 tháng đầu tiên. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo tối thiểu bằng mức lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh, lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo gồm:

- **Quyền sử dụng 106m² đất ở thuộc thửa 169** (cũ là 420), tờ bản đồ số 09 (cũ là 01) tọa lạc tại 418/10 (Số cũ 117/5) Trần Phú, Phường I, thành phố V. **Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 2**, BTCT, diện tích xây dựng: 93,2m², Diện tích sàn: 279,59 m² theo **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N476209 do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/7/1999**, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ký ngày 25/7/2014 giữa bà Phạm Thị S và Ngân hàng TMCP S chi nhánh Vũng Tàu, Văn phòng công chứng C chứng thực; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2015/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 07/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02/2016/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 30/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số PL03-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 13/9/2017. **(Thống nhất định giá tài sản khi cho vay là 02 tỷ đồng - BL 97, cấp tín dụng tối đa 1.749.000 đồng – BL 93)**

- **Quyền sử dụng 48 m² đất ở thuộc thửa 767** (số mới 82) tờ bản đồ số 05 (số mới 19 tọa lạc tại 576/1 (Số mới 542/14/9) Trần Phú, Phường I, thành phố V. **Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 4**, 01 tầng, theo **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H240336 do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/10/1997; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 751/CNSHN do Sở xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 17/12/1993**, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ký ngày 22/10/2013 giữa bà Nguyễn Thị T và Ngân hàng TMCP S chi nhánh Vũng Tàu, Phòng công chứng số 3 tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu chứng thực; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01.165/2014/PLHĐ/165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 31/10/2014; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02.165/PLHĐ-165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 07/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/2016/PLHĐ-165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 30/8/2016. **(Thống nhất định giá tài sản khi cho vay là 1.737.000.000 đồng, cấp tín dụng tối đa 1.079.000.000 đồng – BL 115, 116)**

Công ty TNHH T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với các hợp đồng tín dụng số 41/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.130800 và số 38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 nên **Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu thanh toán 3.543.281.640 đồng** (Ba tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi một

ngàn sáu trăm bốn mươi đồng), trong đó nợ gốc 2.983.995.401 đồng, lãi trong hạn là 73.940.841 đồng, lãi quá hạn là 483.345.398 đồng tính đến ngày 29/11/2019. Trong trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng thì yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp liên quan đến các hợp đồng tín dụng số 042/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.130800, số 41/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.130800 và số 38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 để thu hồi nợ.

Công ty TNHH T xác nhận sự việc, đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nhưng chỉ đồng ý phát mãi tài sản thế chấp liên quan đến các hợp đồng tín dụng số 41/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.130800 và số 38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 để thanh toán nợ trong trường hợp T- Kh không thanh toán được nợ; có yêu cầu phản tố không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp liên quan đến hợp đồng tín dụng số 042/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.130800 là hợp đồng thế chấp số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800 và yêu cầu Ngân hàng giải chấp và trả lại tài sản thế chấp và giấy tờ liên quan vì khoản vay theo **Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 042/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.130800** ngày 11/3/2015 đã tất toán đầy đủ.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về tranh chấp hợp đồng tín dụng và chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T về tranh chấp hợp đồng thế chấp số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800. Ngân hàng TMCP S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3.] Xét yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S:

[3.1.] Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 042/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.130800 ngày 11/3/2015 được bảo đảm bằng các tài sản: xe đầu kéo hiệu HINO biển số 72C-055.99, sômi romooc hiệu CIMC biển số 72R-005.81 và 02 vỏ container lạnh 40' HC theo hợp đồng thế chấp tài sản số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800 ngày 11/3/2015 giữa SHB và công ty T. SHB xác nhận công ty T đã thanh toán đầy đủ khoản vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 042/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.130800 ngày 11/3/2015 nhưng không đồng ý giải chấp, trả lại tài sản thế chấp và giấy tờ liên quan; cho rằng các tài sản nói trên ngoài bảo lãnh cho khoản vay của hợp đồng tín dụng số 042/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.130800 ngày 11/3/2015 còn bảo lãnh cho các khoản vay trước, trong và sau khi ký các hợp đồng tín dụng nói trên.

Tuy nhiên, các khoản vay, các khoản nghĩa vụ phải thanh toán, biện pháp bảo đảm cho các khoản nghĩa vụ thanh toán phải được nêu tên rõ ràng, cụ thể để xác định rõ nội dung và phạm vi trách nhiệm, chứ không thể nêu ở dạng phiếm định như thể hiện tại điểm 2.1.2 Điều 2 Hợp đồng thế chấp mà Ngân hàng dẫn chiếu: “Các Hợp Đồng Cấp Tín Dụng khác được ký kết giữa Bên B với Bên A trước, trong và sau ngày các bên ký Hợp đồng này và các phụ lục/văn bản sửa đổi, bổ sung các Hợp Đồng Cấp Tín Dụng này (nếu có)”. Trong vụ án, các khoản

vay của từng hợp đồng tín dụng cụ thể giữa SHB và công ty T đều đã được bảo lãnh bởi các tài sản bảo đảm khác. Từng khoản vay đều được SHB thực hiện tuân thủ nguyên tắc cho vay, thông qua thủ tục định giá tài sản thế chấp, xác định biên độ và phê duyệt giải ngân trong phạm vi an toàn. Giá trị các tài sản bảo đảm cho từng khoản vay của từng hợp đồng tín dụng đều lớn hơn khoản vay và lãi phải thanh toán. Ngoài hợp đồng tín dụng số 042 ngày 11/3/2015, các hợp đồng tín dụng khác ký kết giữa SHB với công ty T đều không xác định tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800 ngày 11/3/2015.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của công ty T, buộc SHB trả lại tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay cho công ty T là có cơ sở đúng pháp luật. Kháng cáo của SHB về vấn đề này là không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Vì vậy, kháng cáo của Ngân hàng TMCP S yêu cầu phát mãi đối với tài sản thế chấp theo với hợp đồng thế chấp tài sản số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800 ngày 11/3/2015 là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.2.] Qua xem xét các tình tiết, chứng cứ và yêu cầu, lời trình bày của các đương sự liên quan, cấp phúc thẩm nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, công ty T thừa nhận tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay trên tại SHB là tài sản chung trong hợp tác đầu tư kinh doanh giữa Công ty với ông Huỳnh H theo Hợp đồng góp vốn công chứng ngày 09/02/2017 tại Văn phòng công chứng C tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, là phương tiện đang lăn bánh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; bị Ngân hàng tự tiện thu giữ mà không lập bất kỳ biên bản nào theo quy định của pháp luật như xác nhận từ đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tại phiên tòa, khiến hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình trệ, xe cộ không được bảo quản cẩn thận nên ngày càng xuống cấp. Công ty T đứng tên trên giấy tờ đăng ký sở hữu tài sản, nhưng thực chất đây là tài sản chung theo tỉ lệ góp vốn đầu tư kinh doanh 50/50 giữa Công ty với ông Huỳnh H. Công ty T, ông Huỳnh H, Ngân hàng đều xác nhận ông H là người đã tất toán khoản vay của công ty T theo hợp đồng tín dụng số 042/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.130800 ký ngày 11/3/2015 cho Ngân hàng. Công ty T và ông Huỳnh H đề nghị đưa ông Huỳnh H và vợ là bà Trần Thị Kim Đ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; yêu cầu Ngân hàng giải chấp, trả lại tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay trên cho Công ty và ông H. Qua đối chiếu chứng cứ với diễn biến nội dung vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy lời yêu cầu này là có căn cứ nên cần tuyên buộc Ngân hàng giải chấp, trả lại tài sản thế chấp trên và giấy tờ liên quan cho công ty T và ông Huỳnh H với hiện trạng như khi thu giữ.

Việc góp vốn nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác, hiện đang được Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo Thông báo về việc

thụ lý vụ án số 71/2019/TB-TLVA ngày 20/12/2019, quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2020/QĐST-DS ngày 23/3/2020.

[4.] *Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S:*

[4.1.] Về yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm liên quan đến hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 là 2.999.404.984 đồng. Bà Sky hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 với Ngân hàng TMCP S chi nhánh V để bảo đảm cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 13/9/2017; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 28/12/2017; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL02-38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 16/5/2018 với tổng số nợ vay là 2.290.000.000 đồng. Hợp đồng thế chấp tài sản được chứng thực tại Văn phòng công chứng C, số công chứng: 1686, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2015/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 07/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02/2016/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 30/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số PL03-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 13/9/2017. Bà Scho rằng không bảo lãnh khoản vay 250.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 04/38/2017/HĐHM ngày 11/7/2018. Tuy nhiên, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ký ngày 25/7/2014 giữa bà S với Ngân hàng TMCP S chi nhánh V bảo lãnh cho khoản vay hợp đồng tín dụng số 38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 13/9/2017 đã được SHB chấp nhận cấp hạn mức tín dụng 2.540.000.000 đồng cho công ty T. Khoản vay 250.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 04/28/2017/HĐHM ngày 11/7/2018 là một phần trong hợp đồng tín dụng số 38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 13/9/2017, trong hạn mức tín dụng SHB cấp cho công ty T. Do đó, có đủ cơ sở xác định tài sản bảo đảm nói trên bảo lãnh cho khoản vay theo Khế ước nhận nợ số 04/28/2017/HĐHM ngày 11/7/2018. Nói cách khác, khoản vay 250.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 04/28/2017/HĐHM ngày 11/7/2018 trong phạm vi trách nhiệm bảo lãnh cho công ty T vay vốn SHB của bà Phạm Thị S.

[4.2.] Về yêu cầu của bà Phạm Thị S khởi kiện Công ty TNHH T do tài sản bảo đảm của bà có khả năng bị phát mãi để thi hành khoản nợ của công ty T hoặc ông Phạm Kh với Ngân hàng TMCP S. Điều 340 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “Bên bảo lãnh có quyền yêu cầu bên được bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ đối với mình trong phạm vi nghĩa vụ bảo lãnh đã thực hiện, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Ở đây, nghĩa vụ bảo lãnh của bà S chưa thực hiện và yêu cầu này cũng nằm ngoài phạm vi giải quyết của vụ án. Nếu tài sản bảo đảm của bà S bị phát mãi để thực hiện thanh toán khoản vay của công ty T với SHB thì bà S có quyền khởi kiện công ty T bằng một vụ án khác.

[4.3.] Về yêu cầu được mua lại tài sản bảo đảm. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, công ty T phải thanh toán số nợ cho SHB. Nếu công ty T không thi

hành thì SHB có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất bà S đã thế chấp để thu hồi nợ. Như vậy, việc bà S yêu cầu được ưu tiên mua lại tài sản bảo đảm không thuộc thẩm quyền của Tòa án, nên không được xem xét giải quyết trong vụ án.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà S là không có cơ sở chấp nhận.

[5.] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S, giữ nguyên quyết định bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6.] *Về án phí:*

[6.1.] Theo hồ sơ thể hiện: Công ty TNHH T đóng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ theo biên lai thu số 0001805 ngày 12/9/2019 đối với yêu cầu phản tố, nhưng bản án sơ thẩm chưa tuyên xử lý số tiền này, đồng thời tuyên Ngân hàng TMCP S chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm không có giá ngạch trong vụ án kinh doanh thương mại do yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T được chấp nhận là chưa chính xác. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định điều chỉnh lại số liệu và tuyên xử lý cho chính xác, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[6.2.] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S kháng cáo phải chịu án kinh doanh thương mại phúc thẩm theo luật định.

[6.3.] Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phạm Thị S vì thuộc diện người cao tuổi và sau khi kháng cáo đã chết.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S; giữ nguyên quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V; điều chỉnh lại số liệu và cách tuyên cho phù hợp.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 3 Điều 38, các Điều 270, 271, 273, 293, 147, 148, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với Công ty TNHH T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP S giải chấp và trả lại tài sản thế chấp cho khoản vay đã tắt toán trong hợp đồng tín dụng đã giao kết và thực hiện với hiện trạng như khi thu giữ.

2. Buộc Công ty TNHH T thanh toán cho Ngân hàng TMCP S **3.543.281.640 đồng** (Ba tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi đồng), gồm: 2.983.995.401 đồng (Hai tỷ chín trăm tám mươi ba triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ một đồng) nợ gốc, 73.940.841 đồng (Bảy mươi ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn tám trăm bốn mươi một đồng) lãi trong hạn, 483.345.398 đồng (Bốn trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi tám đồng) lãi quá hạn tính đến ngày 29/11/2019; và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo lãi suất nợ quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 41/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.130800 ngày 24/6/2016, Khế ước nhận nợ số 01/2016/KUNN ngày 24/6/2016; hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 13/9/2017; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 28/12/2017; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL02-38/2017/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 16/5/2018; Khế ước nhận nợ số 03/38/2017/HĐMN ngày 20/3/2018; Khế ước nhận nợ số 04/38/2017/HĐHM ngày 11/7/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và Công ty TNHH T, kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là: xe ô tô MAZDA CX5 biển số 72A-170.34, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 46/2016/HĐTC-PN/SHB.130800 ngày 24/6/2016 được ký kết giữa công ty T và Ngân hàng TMCP S chi nhánh Vũng Tàu; Quyền sử dụng thửa đất 169 (số cũ 420) tờ bản đồ số 09 (số cũ 01) tọa lạc tại 418/10 (số cũ 117/5) Trần Phú, Phường I, thành phố V, diện tích 106m² đất ở và tài sản gắn liền với đất: nhà cấp 2, BTCT, diện tích xây dựng 93,2m², diện tích sàn 279,59m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N476209 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/7/1999, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 25/7/2014, Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2015/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 07/8/2015, Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02/2016/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 30/8/2015, Phụ lục hợp đồng thế chấp số PL03-82/2014/HĐTC-

BTB/SHB.130800 ngày 13/9/2017 được ký kết giữa bà Phạm Thị S và Ngân hàng TMCP S chi nhánh Vũng Tàu; Quyền sử dụng thửa đất 767 (số mới 82) tờ bản đồ số 05 (số mới 19) tọa lạc tại 576/1 (Số mới 542/14/9) Trần Phú, Phường I, thành phố V, diện tích 48m² đất ở, tài sản gắn liền với đất: nhà cấp 4, 01 tầng; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H240336 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/10/1997, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 751/CNSHN Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 17/12/1993, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 22/10/2013, Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01.165/2014/PLHĐ/165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 31/10/2014, Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02.165/PLHĐ-165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 07/8/2015, Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/2016/PLHĐ-165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ngày 30/8/2016 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị T và Ngân hàng TMCP S chi nhánh Vũng Tàu, để thu hồi nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Buộc Ngân hàng TMCP S giải chấp, trả lại toàn bộ tài sản thế chấp gồm: 01 (Một) xe đầu kéo HINO biên số 72C-055.99; 01 (Một) sơmi romooc CIMC biên số 72R-005.81, và 02 (Hai) vỏ container lạnh 40' HC theo hợp đồng thế chấp tài sản số 021/2015/HĐTC-PN/SHB.130800 ký ngày 11/3/2015 giữa Công ty TNHH T và Ngân hàng TMCP S chi nhánh V và giấy tờ liên quan tài sản thế chấp cho công ty T và ông Huỳnh H.

2. *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

+ Công ty TNHH T nộp 102.865.633 đồng (Một trăm lẻ hai triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V theo biên lai thu số 0001805 ngày 12/9/2019, nên tiếp tục nộp thêm 102.565.633 đồng (Một trăm lẻ hai triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng).

+ Ngân hàng TMCP S nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào 49.400.000 đồng (Bốn mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V theo biên lai thu số 0000061 ngày 09/7/2019, nên được nhận lại 46.400.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

3. *Án phí phúc thẩm:*

Ngân hàng TMCP S nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), được khấu trừ vào 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu số 0003680 ngày 13/02/2020 và số 0003462 ngày 16/12/2019, nên đã nộp xong.

Hoàn trả lại cho các đồng thừa kế của bà Phạm Thị S (do ông Phạm Đình Đ đại diện) 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm bà S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu số 0003473 ngày 18/12/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (03/9/2020).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa –
Vũng Tàu;
- Tòa án nhân dân thành phố V;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố V;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (3): NV, Tòa Kinh tế, hồ sơ.

Trần Minh Bắc

01 (Một) xe ô tô MAZDA CX5 biển số 72A-170.34, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 46/2016/HĐTC-PN/SHB.130800 ký ngày 24/6/2016 giữa Công ty TNHH T và Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội chi nhánh Vũng Tàu; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại tờ bản đồ số 09 (số cũ 01); thửa đất số 169 (số cũ 420) địa chỉ: 418/10 (Số cũ 117/5) Trần Phú, Phường I, thành phố V, diện tích 106m² đất ở. Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 2, BTCT, diện tích xây dựng 93,2m², Diện tích sàn: 279,59 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N476209 do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/7/1999, được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ký ngày 25/7/2014; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2015/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ký kết ngày 07/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02/2016/PLHĐ-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ký kết ngày 30/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số PL03-82/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ký kết ngày 13/9/2017 giữa bà Phạm Thị S và Ngân hàng TMCP Schi nhánh Vũng Tàu; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại tờ bản đồ số 05 (số mới 19); thửa đất số 767 (số mới 82) địa chỉ: 576/1 (Số mới 542/14/9) Trần Phú, Phường I, thành phố V, diện tích 48 m² đất ở. Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 4, 01 tầng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H240336 do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28/10/1997; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 751/CNSHN do Sở xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 17/12/1993, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ký ngày 22/10/2013; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01.165/2014/PLHĐ/165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ký ngày 31/10/2014; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02.165/PLHĐ-165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ký ngày 07/8/2015; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/2016/PLHĐ-165/2013/HĐTC-BTB/SHB.VT ký ngày 30/8/2016 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị T và Ngân hàng TMCP Schi nhánh Vũng Tàu